

Số: 3486 /BC-XHNV

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 – 2026

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo  
- Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện công khai theo các nội dung quy định của năm học 2025 – 2026 như dưới đây:

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU University of Social Sciences and Humanities)

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 336 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 02438583799

Email: [contact@ussh.edu.vn](mailto:contact@ussh.edu.vn)

Website: [ussh.vnu.edu.vn](http://ussh.vnu.edu.vn)

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Đại học công lập

Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Đại học Quốc gia Hà Nội

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội có sứ mệnh đi đầu trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; nghiên cứu, sáng tạo và

truyền bá tri thức về Khoa học xã hội và Nhân văn, phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

#### 4.2. Tầm nhìn

Phát huy thế mạnh của một trường đại học khoa học cơ bản, tập trung nguồn lực xây dựng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội thành một trường đại học nghiên cứu, đa ngành và liên ngành với đội ngũ chuyên gia giỏi, đầu ngành; phát triển một số ngành, chuyên ngành đào tạo mới, tiên phong đóng vai trò nòng cốt trong đào tạo và nghiên cứu các ngành khoa học cơ bản của đất nước đạt trình độ khu vực và quốc tế; xếp vào nhóm 100 các trường đại học hàng đầu của khu vực châu Á và nhóm 500 đại học của thế giới.

#### 4.3. Mục tiêu

##### 4.3.1. Mục tiêu chung

Phát triển Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội trở thành trung tâm đại học nghiên cứu tinh hoa, kiến tạo quốc gia, lấy khoa học cơ bản làm nền tảng để thúc đẩy khoa học ứng dụng nhằm phụng sự cộng đồng; đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học xuất sắc và tư vấn chính sách đỉnh cao; đến năm 2030 có ít nhất 02 lĩnh vực được xếp hạng 150 châu Á và 02 lĩnh vực được xếp hạng 300 trên thế giới.

##### 4.3.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc khơi dậy các tiềm năng sáng tạo, tư duy và tinh thần khởi nghiệp, tạo dựng môi trường học thuật cởi mở, thân thiện, gắn bó... để đội ngũ trí thức, người học và xã hội tham gia vào sự nghiệp phát triển Nhà trường và góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mỗi năm học, các khoa, bộ môn trực thuộc Nhà trường, trung tâm, viện nghiên cứu... mời ít nhất một chuyên gia từ các trường đại học nước ngoài có uy tín đến giảng dạy, trao đổi khoa học. Việc mời các chuyên gia quốc tế sẽ tăng lên trong những năm tiếp theo.

- Triển khai xây dựng các ngành và chuyên ngành đào tạo đã được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt, tiếp tục hoàn chỉnh các chương trình đào tạo hiện có theo hướng liên thông, tiếp tục mở rộng các chương trình đào tạo chất lượng cao theo hướng xã hội hóa, đồng thời đề xuất xây dựng mới một số chương trình đào tạo tiên tiến theo hướng liên ngành; mở rộng liên kết đào tạo quốc tế với các trường đại học có uy tín ở khu vực và thế giới.

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở cả ba bậc đại học: Cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Tăng tỷ lệ đào tạo sau đại học, đặc biệt là đào tạo tiến sĩ.

- Nhà trường coi việc duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao có tinh thần tự chủ, sáng tạo cao trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng tâm đồng thời là “giải pháp chiến lược” trong định hướng phát triển lâu dài.

- Nghiên cứu khoa học chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc

- Xác định một số hướng nghiên cứu ưu tiên thuộc thế mạnh của Nhà trường và gắn liền với yêu cầu phát triển của Việt Nam về truyền thống lịch sử, văn hóa, xã hội, đất nước và con người Việt Nam; mô hình, con đường phát triển đặc thù của Việt Nam; vai trò, vị thế của Việt Nam trong các mối quan hệ khu vực và quốc tế; chủ quyền, an ninh đất nước trong đó tập trung nghiên cứu về biên giới, biển đảo, về quá trình lãnh thổ, v.v...

- Quy hoạch và xây dựng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo mỗi hướng nghiên cứu trọng tâm có 01 nhóm nghiên cứu mạnh và hoặc nhóm nghiên cứu tiềm năng cấp ĐHQGHN.

- Đẩy mạnh hơn nữa công bố quốc tế nhằm đảm bảo đạt 10% tổng công bố quốc tế của ĐHQGHN.

- Phát triển các nguồn lực, thực hiện văn hóa chất lượng

- Thực hiện phương châm: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển đồng thời là chủ thể của sự phát triển”, Nhà trường có cơ chế và giải pháp mạnh mẽ trong đào tạo cán bộ đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi, các nhà khoa học đầu ngành cho các lĩnh vực khoa học của Nhà trường.



- Tăng tỷ lệ giảng viên để đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo, cơ cấu tổ chức của một số đơn vị.


- Ưu tiên đầu tư để nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và định hướng phát triển đại học nghiên cứu, tự chủ, sáng tạo, kết nối và khởi nghiệp.

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường là những người có bản lĩnh, giàu năng lực và tư duy sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu; nắm vững các phương pháp, quan điểm, cách thức tiếp cận tiên tiến trong giảng dạy, nghiên cứu. Giảng viên của Nhà trường vừa có năng lực chuyên môn giỏi vừa có thể sử dụng ngoại ngữ thành thạo để tham gia vào các chương trình giảng dạy, trao đổi học thuật, phối hợp nghiên cứu và đối thoại khoa học quốc tế.

- Tạo dựng cơ chế để thu hút đội ngũ chuyên gia giỏi, trình độ cao về Nhà trường công tác; tranh thủ các nguồn lực, các chương trình đào tạo, dự án hợp tác để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học quốc tế đến thỉnh giảng, thuyết trình khoa học, tham dự hội thảo và triển khai hoạt động nghiên cứu.

- Tiếp tục phát triển nguồn lực tài chính, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí do Nhà nước cấp đồng thời có giải pháp đa dạng hóa nguồn lực tài chính, thu hút kinh phí từ các chương trình đào tạo, hợp tác nghiên cứu và các dự án phát triển với các đối tác, cơ quan khoa học ở trong và ngoài nước.

- Tăng cường văn hóa chất lượng từ tiến độ đến hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, chuyên nghiệp hóa các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu; xây dựng tinh thần cộng đồng, cùng gánh vác, chia sẻ trách nhiệm trong việc giải quyết các công việc chung vì sự phát triển của Nhà trường. Đặt chất lượng phù hợp với chiến lược và mục tiêu lên hàng đầu; tiến tới thực hiện kiểm định chất lượng nhà trường theo tiêu chuẩn Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA), đồng thời 100% các chương trình đào tạo cử nhân và 30% chương trình đào tạo thạc sĩ được kiểm định chất lượng và đánh giá chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục. 

Ngày 10/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 45 thành lập Ban Đại học Văn khoa – một trong 5 ban thuộc Đại học Quốc gia Việt Nam và cũng là tiền thân của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Ngày 5/6/1956, Chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 2183 thành lập Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trên cơ sở các trường tiền thân (Đại học Khoa học, Đại học Văn khoa, Đại học Khoa học cơ bản, Dự bị Đại học Liên khu IV), trở thành trường đại học khoa học cơ bản đầu tiên (khoa học tự nhiên - khoa học xã hội và nhân văn) tại miền Bắc Việt Nam ngay sau khi hòa bình được lập lại.

Tháng 9/1995, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chính thức đi vào hoạt động với tư cách là một đơn vị thành viên trong cơ cấu của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trải qua 80 năm phát triển, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng bằng sự đoàn kết, tinh thần dẫn thân, Nhà trường đã ngày càng phát triển lớn mạnh, khẳng định được vị thế và đóng góp to lớn cho nền khoa học và giáo dục Việt Nam; hướng đến trở thành đại học nghiên cứu tiên tiến của khu vực và thế giới.

6. Người đại diện pháp luật: GS.TS. Hoàng Anh Tuấn – Hiệu trưởng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 336 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 02438583799


Email: [contact@ussh.edu.vn](mailto:contact@ussh.edu.vn)

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục;

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 789/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/3/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội bổ nhiệm GS.TS Hoàng Anh Tuấn giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Quyết định số 256/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội bổ nhiệm PGS.TS Đặng Thị Thu Hương giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. 

Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 05/8/2025 của Hội đồng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn bổ nhiệm PGS.TS. Đặng Hồng Sơn giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.


Quyết định số 2066/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/5/2026 của Giám đốc Đại học Quốc Hà Nội bổ nhiệm GS.TS Hoàng Anh Tuấn giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Quyết định số 2078/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/5/2026 của Giám đốc Đại học Quốc Hà Nội bổ nhiệm PGS.TS Bùi Thành Nam giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

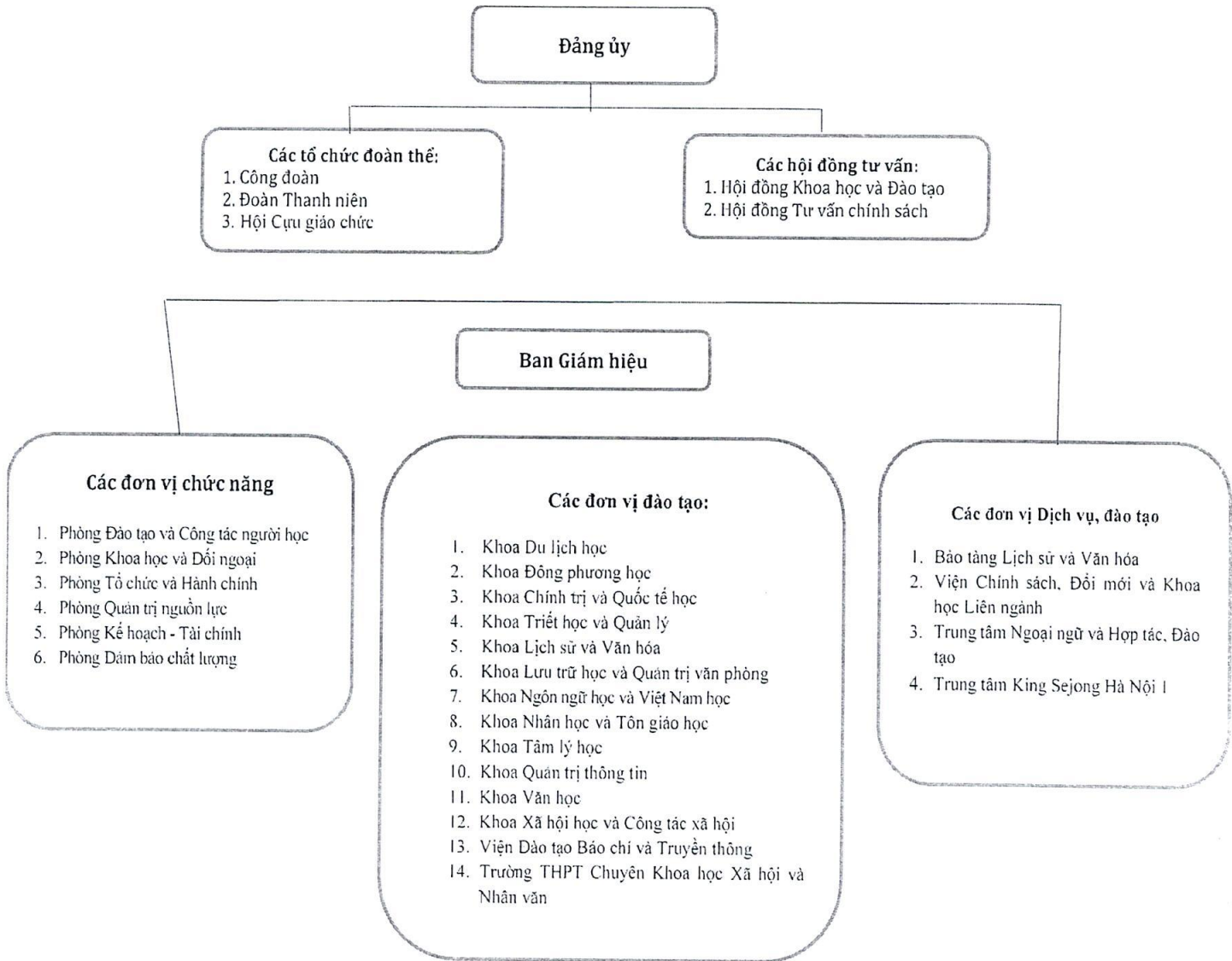
Quyết định số 2468/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/06/2026 của Giám đốc Đại học Quốc Hà Nội bổ nhiệm PGS.TS Đặng Thị Thu Hương giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Quyết định số 2466/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/06/2026 của Giám đốc Đại học Quốc Hà Nội bổ nhiệm PGS.TS. Đặng Hồng Sơn giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

Quy định về Tổ chức và hoạt động trong trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ban hành theo Quyết định số 510/QĐ-XHNV-TC ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. 

## Sơ đồ tổ chức bộ máy



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên:

Quyết định số 1080/QĐ-XHNV ngày 21/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc đổi tên Khoa Xã hội học thành Khoa Xã hội học và Công tác xã hội.

Quyết định số 1114/QĐ-XHNV ngày 21/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Khoa Nhân học và Tôn giáo.

Quyết định số 1134/QĐ-XHNV ngày 21/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Bảo tàng Lịch sử và Văn hóa. *g*

Quyết định số 3992/QĐ-XHNV ngày 03/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Chính sách, Đổi mới và Khoa học liên ngành.

Quyết định số 5668/QĐ-XHNV ngày 04/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Khoa Ngôn ngữ học, tiếng Việt và Việt Nam học.

Quyết định số 1823/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh tên gọi Trung tâm Hàn ngữ Sejong Hà Nội thành Trung tâm King Sejong Hà Nội 1.

Quyết định số 1822/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh tên gọi của Khoa Ngôn ngữ học, tiếng Việt và Việt Nam học thành Khoa Ngôn ngữ học và Việt Nam học.

Quyết định số 5672/QĐ-XHNV ngày 04/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Phòng Khoa học, Đối ngoại và Tạp chí.

Quyết định số 1815/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh tên gọi của Phòng Khoa học, Đối ngoại và Tạp chí thành Phòng Khoa học và Đối ngoại.

Quyết định số 5677/QĐ-XHNV ngày 04/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Phòng Đào tạo và Công tác người học

Quyết định số 5682/QĐ-XHNV ngày 04/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng.

Quyết định số 1818/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh tên gọi của Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng thành Phòng Đảm bảo chất lượng.

Quyết định số 1795/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Khoa Triết học và Quản lý.

Quyết định số 1798/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Khoa Chính trị và Quốc tế học.

Quyết định số 1808/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc thành lập Phòng Tổ chức và Hành chính.

Quyết định số 1812/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh tên gọi của Phòng Hành chính – Tổng hợp thành Phòng Quản trị nguồn lực.

Quyết định số 1825/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh tên gọi của Khoa Thông tin – Thư viện thành Khoa Quản trị thông tin.

Quyết định số 1829/QĐ-XHNV ngày 03/4/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh tên gọi của Khoa Lịch sử thành Khoa Lịch sử và Văn hóa.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
1	Hoàng Anh Tuấn	Ban Giám hiệu	Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	tuan@ussh.edu.vn
2	Bùi Thành Nam		Phó Hiệu trưởng	btnam224@yahoo.com
3	Đặng Thị Thu Hương		Phó Hiệu trưởng	danghuong123@yahoo.com
4	Đặng Hồng Sơn		Phó Hiệu trưởng	sondh@vnu.edu.vn
5	Nguyễn Văn Chiêu	Khoa Chính trị và Quốc tế học	Trưởng khoa	ngocnganchieu@gmail.com
6	Trần Thiện Thanh		Phó Trưởng khoa	ttthanh.ls@gmail.com
7	Nguyễn Anh Cường		Phó Trưởng khoa	nguyenanhcuong@ussh.edu.vn
8	Trần Thị Quang Hoa		Phó Trưởng khoa	hoa.khct@gmail.com
9	Ngô Tuấn Thắng		Phó Trưởng khoa	thangqth@gmail.com
10	Nguyễn Ngọc Dung	Khoa Du lịch học	Trưởng khoa	dung1911.ussh@gmail.com
11	Vũ Hương Lan		Phó Trưởng khoa	huonglandl@gmail.com
12	Phạm Hoàng Hưng		Trưởng khoa	phamhoanghung@ussh.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
13	Nguyễn Trần Tiến	Khoa Đông phương học	Phó Trưởng khoa	ntrantienussh@gmail.com
14	Nguyễn Thị Thu Hường		Phó Trưởng khoa	huongntt@ussh.edu.vn
15	Nguyễn Văn Anh	Khoa Lịch sử và Văn hóa	Trưởng khoa	vananhkch@gmail.com
16	Lý Tường Vân		Phó Trưởng khoa	tuongvanly.1975@gmail.com
17	Nguyễn Hữu Mạnh		Phó Trưởng khoa	manhkch@gmail.com
18	Cam Anh Tuấn	Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Trưởng khoa	tuangtvp79@gmail.com
19	Nguyễn Hồng Duy		Phó Trưởng khoa	duy123jk109@gmail.com
20	Trần Thanh Tùng		Phó Trưởng khoa	tungha2004@gmail.com
21	Nguyễn Ngọc Bình	Khoa Ngôn ngữ học và Việt Nam học	Trưởng khoa	ngngbinhvn@gmail.com
22	Bùi Duy Dương		Phó Trưởng khoa	buiduyduongvsl@gmail.com
23	Nguyễn Trường Giang	Khoa Nhân học và Tôn giáo học	Trưởng khoa	truonggiang@vnu.edu.vn
24	Lê Thị Liên		Phó Trưởng khoa	lephuonglien.tgcp@gmail.com
25	Nguyễn Vũ Hoàng		Phó Trưởng khoa	nvuhoang@gmail.com
26	Đỗ Văn Hùng	Khoa Quản trị thông tin	Trưởng khoa	dvhung@gmail.com
27	Nguyễn Thị Kim Dung		Phó Trưởng khoa	kimdungussh@gmail.com
28	Đào Minh Quân		Phó Trưởng khoa	quandm@gmail.com
29	Trịnh Thị Linh	Khoa Tâm lý học	Trưởng khoa	anhlinh_huong@yahoo.com
30	Nguyễn Văn Lược		Phó Trưởng khoa	nguyenvanluot@gmail.com
31	Nguyễn Thị Anh Thư		Phó Trưởng khoa	nguyenanhthu186@yahoo.com
32	Phạm Hoàng Giang	Khoa Triết học và Quản lý	Trưởng khoa	giangtriet@gmail.com
33	Nguyễn Mạnh Dũng		Phó Trưởng khoa	nguyendunghsr@gmail.com
34	Ngô Đăng Toàn		Phó Trưởng khoa	toannd@vnu.edu.vn
35	Nguyễn Thu Hiền		Trưởng khoa	tianmily@gmail.com

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
36	Nguyễn Thị Năm Hoàng	Khoa Văn học	Phó Trưởng khoa	namhoangvh@gmail.com
37	Lê Văn Cường		Phó Trưởng khoa	cuongnomna@gmail.com
38	Đặng Kim Khánh Ly	Khoa Xã hội học và Công tác xã hội	Trưởng khoa	dkkly79@yahoo.com
39	Hoàng Thu Hương		Phó Trưởng khoa	hoangthuhuong@vnu.edu.vn
40	Nguyễn Thị Kim Nhung		Phó Trưởng khoa	kimnhung86@gmail.com
41	Lê Anh Tuấn	Phòng Đảm bảo chất lượng	Trưởng phòng	leanhtuan@vnu.edu.vn
42	Đặng Quang Thái		Phó Trưởng phòng	thaidq66@gmail.com
43	Hoàng Văn Quỳnh		Phó Trưởng phòng	hquynhvn@gmail.com
44	Đinh Tiến Hiếu	Phòng Đào tạo và Công tác người học	Trưởng phòng	hieudt1978@gmail.com
45	Nguyễn Thị Tuyết Mai		Phó Trưởng phòng	mai.ussh@gmail.com
46	Phạm Văn Huệ		Phó trưởng phòng	huepv238@gmail.com
47	Kim Thị Diệp Hà	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Trưởng phòng	nguyenkimhuyen@gmail.com
48	Lê Thị Quyên		Phó Trưởng phòng	quyenkhtv@gmail.com
49	Trịnh Văn Định	Phòng Khoa học và Đối ngoại	Trưởng phòng	dinhtv@ussh.edu.vn
50	Phạm Châm Anh		Phó Trưởng phòng	phamchamanh@ussh.edu.vn
51	Nguyễn Tuấn Anh		Tổng biên tập Tạp chí	xhhanh@gmail.com
52	Nguyễn Văn Thủy	Phòng Quản trị nguồn lực	Trưởng phòng	thuynv@ussh.edu.vn
53	Vũ Hoàng Lâm		Phó trưởng phòng	vuhoanglamsdh@gmail.com
54	Vũ Thị Ngà		Phó trưởng phòng	vunga@ussh.edu.vn
55	Ngô Thị Kiều Oanh	Phòng Tổ chức và Hành chính	Phó Trưởng phòng phụ trách	oanhntk71.xhmv@gmail.com
56	Nguyễn Tích Nghị		Phó trưởng phòng	nghint@ussh.edu.vn
57	Vũ Thị Hà		Phó trưởng phòng	vuha.xhmv@gmail.com
58	Nguyễn Thị Thanh Hà	Trung tâm Ngoại ngữ và Hợp tác đào tạo	Giám đốc	thanguyenct5@gmail.com
59	Lương Ngọc Vinh		Phó Giám đốc	vinhln@ussh.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
60	Nguyễn Quang Liệu	Trường THPT Chuyên	Hiệu trưởng THPT Chuyên	quanglieu68@gmail.com
61	Trương Thị Bích Hạnh	Khoa học xã hội và Nhân văn	Phó Hiệu trưởng THPT Chuyên	hanhtrb@gmail.com
62	Diêu Thị Lan Phương		Phó Hiệu trưởng THPT Chuyên	dieulanphuong@gmail.com
63	Phan Văn Kiên	Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông	Viện trưởng	fankien@gmail.com
64	Bùi Chí Trung		Phó Viện trưởng	buichitruong@mail.ru

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
1	Kế hoạch - Tài chính	2911/QĐ-XHNV-KHTC	01/12/2015	Quy định phân bổ sử dụng học phí hệ vừa làm vừa học	Quy định
2	Kế hoạch - Tài chính	288/QĐ-XHNV	30/01/2023	Quy định phân bổ sử dụng học phí đào tạo chính quy bậc đại học và sau đại học	Quy định
3	Kế hoạch - Tài chính	289/QĐ-XHNV	30/01/2023	Quy định phân bổ sử dụng học phí đào tạo Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ là người nước ngoài không thuộc diện kế hoạch ngân sách	Quy định
4	Kế hoạch - Tài chính	290/QĐ-XHNV	30/01/2023	Quyết định v/v điều chỉnh nội dung QĐ số 4111/QĐ-XHNV-KHTC ngày 31/10/2019	Quyết định
5	Kế hoạch - Tài chính	2914/QĐ-XHNV-KHTC	01/12/2015	Quy định thu và phân bổ sử dụng học phí các lớp liên kết đào tạo với Hàn Quốc	Quy định
6	Kế hoạch - Tài chính	2993/QĐ-XHNV-KHTC	03/12/2015	Quy định thu và phân bổ sử dụng học phí các lớp liên kết đào tạo với Trung Quốc	Quy định

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
7	Kế hoạch - Tài chính	2997/QĐ-XHNV-KHTC	03/12/2015	Quy định mức bồi hoàn kinh phí đào tạo của sinh viên đại học hệ chính quy xin thôi học vì lý do cá nhân	Quy định
8	Kế hoạch - Tài chính	890/QĐ-XHNV-KHTC	23/03/2016	Quy định tạm thời về thu và phân bổ sử dụng học phí các lớp liên kết đào tạo với đại học STIRLING	Quy định
9	Kế hoạch - Tài chính	2342/QĐ-XHNV-KHTC	22/07/2016	Quyết định về việc quy định mức thu học phí các hệ, bậc đào tạo cho người nước ngoài	Quyết định
10	Kế hoạch - Tài chính	1728/QĐ-XHNV-KHTC	12/07/2017	Quy định thu và sử dụng các khoản kinh phí của lưu học sinh nước ngoài học ngắn hạn (Ngoài diện đào tạo theo Hiệp định)	Quy định
11	Kế hoạch - Tài chính	467/QĐ-XHNV	14/2/2023	Quyết định về việc điều chỉnh mức thu học phí Sau đại học cho người Việt Nam	Quyết định
12	Kế hoạch - Tài chính	3125/XHNV	06/11/2018	Quy định phân bổ và sử dụng học phí ngành 2	Quy định
13	Kế hoạch - Tài chính	4111/QĐ/XHNV-KHTC	31/10/2019	Quy định tạm thời về quản lý và sử dụng học phí chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao theo Thông tư 23	Quy định
14	Kế hoạch - Tài chính	1344/KHTC-XHNV	30/07/2020	Quy định thu và hoàn trả kinh phí kéo dài thời gian đào tạo đối với bậc đào tạo Sau đại học	Quy định
15	Kế hoạch - Tài chính	1573/QĐ-XHNV	27/07/2021	Quyết định về việc ban hành mức học phí của các chương trình đào tạo chính quy ngành thứ 2 từ năm 2021-2022	Quyết định
16	Kế hoạch - Tài chính	1872/QĐ-XHNV-KHTC	23/09/2021	Quyết định về việc ban hành mức thu học phí học lại, học cải thiện điểm của các môn học thuộc các chương trình đào tạo đại học hệ chất lượng cao theo Thông tư 23 từ năm 2021-2022	Quyết định

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
17	Kế hoạch - Tài chính	4515/QĐ-XHNV	04/09/2024	Quyết định về việc quy định mức thu học phí các lớp hệ VLVH, văn bằng 2 VLVH	Quy định
18	Kế hoạch - Tài chính	2440/QĐ-XHNV	07/07/2023	Quyết định về việc quy định mức thu học phí hệ, bậc đào tạo cho người nước ngoài	Quy định
19	Kế hoạch - Tài chính	3180/QĐ-XHNV	31/10/2022	Quyết định về việc quy định mức thu học phí THPT	Quy định
20	Kế hoạch - Tài chính	3266/QĐ-XHNV	01/07/2024	Quyết định về việc quy định mức thu học phí Sau đại học cho người Việt Nam	Quy định
21	Đảm bảo chất lượng	2607/QĐ-XHNV-TC	29/11/2021	Quyết định ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng ĐBCL trường.	Quy định
22	Đảm bảo chất lượng	2550/QĐ-XHNV	15/09/2022	Quyết định về việc ban hành chính sách Đảm bảo chất lượng Trường ĐHKHXH&NV	Quyết định
23	Đảm bảo chất lượng	5600/QĐ-XHNV	29/12/2023	Quyết định ban hành Quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng ở Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
24	Đảm bảo chất lượng	2770/QĐ-XHNV	07/08/2023	Quyết định về việc ban hành Quy định về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong và đối sánh chất lượng giáo dục ở Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
25	Đối ngoại	2711/QĐ-XHNV	31/07/2023	Quyết định về việc ban hành Quy định về quản lý dự án quốc tế tại Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
26	Hành chính - Tổng hợp	286/HD-XHNV	19/01/2022	Hướng dẫn soạn thảo, trình bày và ký ban hành văn bản hành chính tại Trường ĐHKHXH&NV	Hướng dẫn
27	Tổ chức Cán bộ	707/QĐ-XHNV-TC	03/06/2008	Quy định về cán bộ kiêm nhiệm	Quy định

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
28	Tổ chức Cán bộ	450/QĐ-XHNV-TC	21/02/2013	Quy định về hoạt động của các trung tâm trong Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
29	Tổ chức Cán bộ	510/QĐ-XHNV-TC	05/03/2015	Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy định
30	Tổ chức Cán bộ	1536/QĐ-XHNV-TC	01/06/2018	Quy định về thực hiện chế độ hợp đồng lao động tại Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
31	Tổ chức Cán bộ	4198/QĐ-XHNV-TC	04/11/2019	Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ	Quy định
32	Tổ chức Cán bộ	4487/QĐ-XHNV-TC	03/12/2019	Quy định về đánh giá kết quả lao động của cán bộ, viên chức trong Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
33	Tổ chức Cán bộ	356/QĐ-XHNV	26/01/2022	Quy định về việc quản lý và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức, người lao động của Trường ĐHKHXH&NV đi học tập, công tác ở nước ngoài	Quy định
34	Tổ chức Cán bộ	619/QĐ-XHNV	28/02/2023	Quy định về Phân cấp quản lý và quy trình hoạt động quản lý trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy định
35	Tổ chức Cán bộ	4442/HD-XHNV	07/11/2022	Hướng dẫn tạm thời thực hiện ký hợp đồng chuyên gia đối với các nhà Khoa học đã nghỉ hưu	Hướng dẫn
36	Tổ chức Cán bộ	4618/QĐ-XHNV	20/11/2023	Quy định tạm thời về việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức công tác tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy định
37	Tổ chức Cán bộ	5637/QĐ-XHNV	29/12/2023	Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Quy định

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
38	Tổ chức Cán bộ	1943/QĐ-XHNV	12/04/2024	Quy định sửa đổi, bổ sung về việc tổ chức chúc thọ, mừng thọ, tang lễ, phúng viếng tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Quy định
39	Tổ chức Cán bộ	4556/QĐ-XHNV	06/09/2024	Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy định
40	Tổ chức Cán bộ	6066/QĐ-XHNV	06/11/2024	Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy định
41	Tổ chức Cán bộ	2179/QĐ-XHNV	03/05/2024	Quy chế chi tiêu nội bộ (chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ) năm 2024	Quy chế
42	Tổ chức Cán bộ	300/QĐ-XHNV	10/01/2025	Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy chế
43	Tổ chức Cán bộ	515/QĐ-XHNV	17/01/2025	Quy định về hợp đồng đối với một số loại công việc tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Quy định
44	Tổ chức Cán bộ	5858/QĐ-XHNV	11/08/2025	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy định
45	Tổ chức Cán bộ	9168/QĐ-XHNV	26/12/2025	Quy định về thời giờ làm việc, chế độ tiền lương, phụ cấp và phúc lợi đối với người lao động thực hiện công việc hỗ trợ,	Quy định

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
				phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	
46	Tổ chức Cán bộ	9333/QĐ-XHNV	31/12/2025	Quy định về Quản lý thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc đối với viên chức, người lao động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quy định
47	Thanh tra và Pháp chế	2386/QĐ-XHNV-TC	18/10/2013	Quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra và pháp chế của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quy định
48	Thanh tra và Pháp chế	2909/QĐ-XHNV-TT&PC	08/12/2014	Nội quy tiếp công dân ở Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
49	Tạp chí	2053/QĐ-XHNV-TC	31/08/2015	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí KHXH&NV	Quy chế
50	Tạp chí	25483/QĐ-XHNV-TC	29/10/2015	Quyết định về việc ban hành Quy định mức chi xuất bản của Tạp chí KHXH&NV	Quy định
51	Quản lý nghiên cứu khoa học	2980/QĐ-XHNV-KH	30/12/2021	Quy định về việc quản lý đề tài nghiên cứu cấp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định
52	Quản lý nghiên cứu khoa học	2981/QĐ-XHNV-KH	30/12/2021	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Chương trình thúc đẩy công bố quốc tế và hỗ trợ đào tạo tiến sĩ giai đoạn 2021-2025	Quyết định
53	Quản lý nghiên cứu khoa học	3731/QĐ-XHNV	28/9/2023	Quy định về tổ chức tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế tại Trường ĐHKHXH&NV	Quyết định
54	Quản lý nghiên cứu khoa học	4589/QĐ-XHNV	16/11/2023	Quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng đạo đức trong nghiên cứu tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN	Quyết định

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
55	Quản lý nghiên cứu khoa học	1839/QĐ-XHNV	04/05/2024	Quy định về tổ chức hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN	Quyết định
56	Công tác người học	4125/QĐ-XHNV	30/12/2022	Quy định khung xử lý kỷ luật sinh viên áp dụng tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQGHN	Quyết định
57	Công tác người học	3307/QĐ-XHNV	31/8/2023	Quy định về tiêu chí, quy trình xét học bổng thu hút tài năng cho các khoa học cơ bản	Quyết định
58	Công tác người học	3364/QĐ-XHNV	04/7/2024	Quy định về xây dựng mã số học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh	Quy định
59	Công tác người học	4845/QĐ-XHNV	27/06/2025	Quyết định về việc ban hành Quy định về tiêu chí xét cấp học bổng Thu hút tài năng cho các ngành khoa học cơ bản	Quyết định
60	Đào tạo	3904/QĐ-XHNV	28/12/2018	Quy định về công tác quản lý, tổ chức đào tạo ngắn hạn ở Trường ĐHKHXH&NV	Quy định
61	Đào tạo	399/XHNV-ĐT	03/03/2021	Hướng dẫn tổ chức đào tạo hệ VLVH	Hướng dẫn
62	Đào tạo	1766/XHNV-ĐT	30/8/2021	Quy định về việc hướng dẫn tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ bằng hình thức trực tuyến	Quyết định
63	Đào tạo	3431/QĐ-XHNV	09/07/2023	Quy định về điều kiện cảnh báo học vụ, số lần cảnh báo học vụ đối với sinh viên đại học	Quyết định
64	Đào tạo	2720/HD-XHNV	23/9/2022	HD thực hiện quy chế đào tạo về cộng điểm thưởng NCKH vào điểm TBT học kỳ, điểm TBT tích lũy để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyên tiếp vào học ở bậc SDH và chuyển điểm học phần tương đương	Hướng dẫn
65	Đào tạo	4560/QĐ-XHNV	13/11/2023	Quy định về điều kiện, quy trình sinh viên đăng	Quyết định

TT	Lĩnh vực	Số/Ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung/Trích yếu	Loại văn bản
				ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo	
66	Đào tạo	4626/QĐ-XHNV	20/11/2023	Quy định hướng dẫn về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ	Quyết định
67	Đào tạo	5198/QĐ-XHNV	12/07/2023	Quy định về việc hướng dẫn và lịch trình tổ chức đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHKHXH&NV	Quyết định
68	Đào tạo	1727/QĐ-XHNV	29/03/2024	Quy định hướng dẫn về việc cộng điểm thưởng NCKH cho sinh viên có công bố quốc tế trong nước, bằng SHTT vào điểm TBT học kỳ, điểm TBT tích lũy để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyển tiếp vào học bậc SDH	Quyết định
69	Đào tạo	2163/QĐ-XHNV	05/02/2024	Quy định về công tác quản lý, tổ chức đào tạo ngắn hạn ở Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN	Quy định
70	Đào tạo	2466/QĐ-XHNV	16/5/2024	Quy định hướng dẫn công tác thực tập, thực tế tại Trường ĐH KHXH&NV	Quyết định
71	Đào tạo	2989/QĐ-XHNV	14/06/2024	Quy định mẫu chứng chỉ đào tạo ngắn hạn	Quy định
72	Đào tạo	6644/HD-XHNV	12/05/2024	HD quy trình đánh giá luận án tiến sĩ tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN	Hướng dẫn

## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	28,66/1	28,28/1

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100%	100%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	79,47%	78,8%

## 2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
<b>I</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian</b>	<b>341</b>	<b>2</b>	<b>68</b>	<b>209</b>	<b>55</b>	<b>7</b>
1	Nhân văn	89		14	56	16	3
2	Khoa học xã hội và hành vi	124		20	78	23	3
3	Báo chí và thông tin	68	1	17	41	9	
4	Kinh doanh và quản lý	28		12	13	3	
5	Dịch vụ xã hội	7	1		5		1
6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	25		5	16	4	
<b>II</b>	<b>Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động</b>	<b>341</b>	<b>2</b>	<b>68</b>	<b>209</b>	<b>55</b>	<b>7</b>
1	Nhân văn	89		14	56	16	3
2	Khoa học xã hội và hành vi	124		20	78	23	3
3	Báo chí và thông tin	68	1	17	41	9	
4	Kinh doanh và quản lý	28		12	13	3	
5	Dịch vụ xã hội	7	1		5		1
6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	25		5	16	4	

## 3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	14	19
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	100	131
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	33,4%	45,3%

9

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	52,16	52,52
2	Diện tích sàn/người học (m2)	3,05	2,76
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	93,6%	0
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	672,8	0
5	Số bản sách/người học	25,7	0
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	76,94%	10%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	1.250	1.200

#### 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
1	Trụ sở chính	Số 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	14.600	29.248
2	Cơ sở B7Bis	B7Bis, Số 75 Trần Đại Nghĩa, Bạch Mai, Hà Nội	1.025 <i>(Diện tích đất do ĐH Bách Khoa quản lý, nên không cộng vào tổng số)</i>	1.268
3	Cơ sở Hòa Lạc	Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội	561.000	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>561.014,600</b>	<b>30.516</b>

#### 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà		0
2	Nâng cấp tòa nhà		14.182,31
2.1	Cải tạo, sửa chữa nhà G, sân trường	336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	8.615,99
2.2	Cải tạo mặt ngoài nhà B và khu vệ sinh tại tầng 1 các khối nhà A, B, C	336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	5.566,32
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		0
<b>Tổng cộng</b>			<b>14.182,31</b>

## IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

### 1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (CEA, VNU-HCM)
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Mức độ đạt kiểm định: Đạt
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 25 tháng 7 năm 2022 đến ngày 24 tháng 7 năm 2027

### 2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1.	7320101	Báo chí	Báo chí	TT KĐCLGD Thăng Long	28/4/2028
2.	7310201	Chính trị học	Chính trị học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2030
3.	7760101	Công tác xã hội	Công tác xã hội	AUN-QA	07/4/2029
4.	7310620	Đông Nam Á học	Đông Nam Á học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2030
5.	7310608	Đông phương học	Đông phương học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2028
6.	7310614	Hàn Quốc học	Hàn Quốc học	TT KĐCLGD Thăng Long	26/12/2030
7.	7220104	Hán Nôm	Hán Nôm	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2030
8.	7340401	Khoa học quản lý	Khoa học quản lý	TT KĐCLGD Thăng Long	28/4/2028
9.	7229010	Lịch sử	Lịch sử	AUN-QA	21/12/2030
10.	7320303	Lưu trữ học	Lưu trữ học	TT KĐCLGD Thăng Long	26/12/2030
11.	7229020	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2028
12.	7310302	Nhân học	Nhân học	AUN-QA	22/4/2028
13.	7310613	Nhật Bản học	Nhật Bản học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2030
14.	7320108	Quan hệ công chúng	Quan hệ công chúng	TT KĐCLGD Thăng Long	28/4/2028

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
15.	7320205	Quản lí thông tin	Quản lí thông tin	TT KĐCLGD ĐHQGTPHCM	05/7/2029
16.	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TT KĐCLGD ĐHQGTPHCM	05/7/2029
17.	7810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	TT KĐCLGD Thăng Long	28/4/2028
18.	7340406	Quản trị văn phòng	Quản trị văn phòng	TT KĐCLGD Thăng Long	28/4/2028
19.	7310601	Quốc tế học	Quốc tế học	AUN-QA	12/01/2028
20.	7310401	Tâm lý học	Tâm lý học	AUN-QA	12/01/2028
21.	7320201	Thông tin - thư viện	Thông tin - thư viện	TT KĐCLGD ĐHQGTPHCM	05/7/2029
22.	7229009	Tôn giáo học	Tôn giáo học	TT KĐCLGD Thăng Long	28/4/2028
23.	7229001	Triết học	Triết học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2028
24.	7229040	Văn hóa học	Văn hóa học	TT KĐCLGD Thăng Long	26/12/2030
25.	7229030	Văn học	Văn học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2028
26.	7310630	Việt Nam học	Việt Nam học	TT KĐCLGD Thăng Long	28/4/2028
27.	7310301	Xã hội học	Xã hội học	AUN-QA	12/01/2028
28.	8310201	Chính trị học	Chính trị học	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2030
29.	8340401	Khoa học quản lý	Khoa học quản lý	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2030
30.	8320109	Quản trị báo chí truyền thông	Quản trị báo chí truyền thông	TT KĐCLGD Thăng Long	07/6/2030
31.	8310402	Tâm lý học lâm sàng	Tâm lý học lâm sàng	AUN-QA	21/12/2030

## V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	105,70%	108,30%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	0,40%	18,70%
3	Tỷ lệ thôi học	1,53%	10,74%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0,92%	0,49%

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	67%	69%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	69%	65%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	92.4%	92,5%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	92,4%	94%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	74%	72%

## 2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
<b>I</b>	<b>Đại học</b>	<b>9540</b>	<b>3090</b>	<b>1822</b>	
1	Lĩnh vực Nhân văn				
	Chính quy	1980	579	335	88,72%
	Vừa làm vừa học	129	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
2	Lĩnh vực Báo chí và thông tin				
	Chính quy	2508	636	371	87,60%
	Vừa làm vừa học	126	23	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
3	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi				
	Chính quy	3456	992	658	87,60%
	Vừa làm vừa học	608	167	54	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
4	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý				
	Chính quy	893	269	193	87,80%
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
5	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân				
	Chính quy	898	358	155	87,30%
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
5	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội				
	Chính quy	255	66	56	87,67%
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Thạc sĩ (và trình độ tương đương)</b>	<b>1080</b>	<b>444</b>	<b>138</b>	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
1	Lĩnh vực Nghệ thuật	14	1	1	
2	Lĩnh vực Nhân văn	240	114	26	
3	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	430	182	70	
4	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	214	75	18	
5	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	65	29	9	
6	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	30	10	1	
7	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	87	33	13	
<b>III</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>691</b>	<b>217</b>	<b>33</b>	
1	Lĩnh vực Nhân văn	239	66	13	
2	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	260	88	9	
3	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	51	8	1	
4	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	32	11	4	
5	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	33	15	3	
6	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	76	29	3	

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	8%	8%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	72,65%	57,88%
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	124/355	85/324

### 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (triệu đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	9	22.740
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	29	19.735
3	Đề tài cấp cơ sở	45	3.780
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	10	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	5	2.556
	<b>Tổng số</b>	<b>98</b>	<b>48.821</b>

*(Chữ ký)*

### 3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	276	80
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	124	85
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	15	5
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	287.224	262.556
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	10%	13%

### 2. Kết quả thu chi hoạt động

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>359.913</b>	<b>292.642</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b>	<b>68.651</b>	<b>73.603</b>
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>	<b>282.384</b>	<b>206.687</b>
1	Học phí, lệ phí từ người học	235.630	166.784
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	20.137	14.714
4	Thu khác	26.617	25.189
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>	<b>8.878</b>	<b>12.352</b>
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	8.878	12.352
3	Thu khác	0	0
<b>IV</b>	<b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>280.303</b>	<b>267.816</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>	<b>160.558</b>	<b>147.222</b>

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	128.446	119.973
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	32.112	27.249
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>	<b>84.020</b>	<b>88.573</b>
1	Chi cho đào tạo	59.050	58.853
2	Chi cho nghiên cứu	6.689	14.713
3	Chi cho phát triển đội ngũ	10.034	9.872
4	Chi phí chung và chi khác	8.247	5.135
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>	<b>20.803</b>	<b>14.547</b>
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	16.715	11.164
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1.942	1.550
3	Chi hoạt động khác	2.146	1.833
<b>IV</b>	<b>Chi khác</b>	<b>14.922</b>	<b>17.474</b>
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>79.610</b>	<b>24.826</b>

### 3. Mức thu học phí, lệ phí

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Năm báo cáo (năm học 2025-2026)	Năm trước báo cáo (năm học 2024-2025)	Dự kiến cho các năm tiếp theo		
				Năm học 2026 - 2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028 - 2029
<b>I</b>	<b>Học phí chính quy chương trình đại trà</b>					
1	Đại học	16,9	15	19,1	21	23,1
2	Thạc sĩ	25,35	22,5	28,65	31,5	34,65
3	Tiến sĩ	42,25	37,5	47,75	52,5	57,75
<b>II</b>	<b>Học phí chính quy chương trình khác</b>					
1	Đại học					
1,1	Chương trình đáp ứng Thông tư 23	35	35			
1,2	Chương trình đáp ứng ĐMKTKT (mức 1)	33	30	35	38,5	42,35
1,3	Chương trình đáp ứng ĐMKTKT (mức 2)	27,5	25	29,5	32,45	35,7
2	Thạc sĩ					

*g*

TT	Nội dung	Năm báo cáo (năm học 2025-2026)	Năm trước báo cáo (năm học 2024-2025)	Dự kiến cho các năm tiếp theo		
				Năm học 2026 - 2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028 - 2029
2,1	Chương trình đáp ứng ĐMKTKT (mức 1)			42	44,1	46,3
2,1	Chương trình đáp ứng ĐMKTKT (mức 2)			38	39,9	41,9
3	Tiến sĩ	0	0	0	0	0

**4. Kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Năm báo cáo (năm học 2025-2026)	Năm trước báo cáo (năm học 2024-2025)
<b>I</b>	<b>Đại học</b>	<b>24.566</b>	<b>16.730</b>
1	Trợ cấp	146	130
2	Miễn, giảm học phí	7.920	6.600
3	Học bổng	16.500	10.000
<b>II</b>	<b>Thạc sĩ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trợ cấp	0	0
2	Miễn, giảm học phí	0	0
3	Học bổng	0	0
<b>III</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trợ cấp	0	0
2	Miễn, giảm học phí	0	0
3	Học bổng	0	0

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC: / 9**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Ban Giám hiệu (đề b/c)
- Lưu: VT, ĐBCL.


  
**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Đặng Hồng Sơn**